BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

THÔNG TƯ
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 64/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn việc thực hiện cơ chế tạm quản theo Công ước Istanbul;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính và Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Để thực hiện Điều 8 Hiệp định Chung về Thuế quan và Thương mại (GATT);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Tổ chức, cá nhân nộp phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

b) Tổ chức thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

Điều 2. Người nộp và tổ chức thu phí, lệ phí

1. Người nộp phí, lệ phí

a) Người nộp phí hải quan quy định tại Thông tư này gồm:

a.1) Tổ chức, cá nhân thực hiện khai và nộp tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan (sau đây gọi là tờ khai) đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh.

a.2) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp sổ tạm quản (sổ ATA) đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập theo Nghị định số 64/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn việc thực hiện cơ chế tạm quản theo Công ước Istanbul.

a.3) Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đã được bảo hộ hoặc người được ủy quyền hợp pháp khi nộp: Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về hải quan.

b) Người nộp lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh là tổ chức, cá nhân khai và nộp tờ khai đối với hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh Việt Nam.

2. Tổ chức thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh gồm:

a) Cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.

b) Tổ chức được cơ quan hải quan ủy nhiệm thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh (bao gồm cả Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thu phí hải quan cấp sổ ATA).

Điều 3. Đối tượng được miễn phí, lệ phí

Miễn phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh đối với tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải trong các trường hợp sau:

1. Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cá nhân (được miễn thuế trong định mức theo quy định); quà biếu, quà tặng vì mục đích nhân đạo, từ thiện; đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy chế miễn trừ ngoại giao; hành lý mang theo người.

2. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới trong định mức miễn thuế theo quy định.

3. Phương tiện vận tải của cư dân biên giới được quản lý theo phương thức mở sổ theo dõi, không quản lý bằng tờ khai.

4. Hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh được miễn phí, lệ phí theo quy định tại các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc cam kết của Chính phủ Việt Nam.

Điều 4. Mức thu phí, lệ phí

Mức thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh được quy định tại Biểu mức thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Nộp phí hải quan, lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh của người nộp phí, lệ phí cho tổ chức thu phí, lệ phí

1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này khi:

a) Đăng ký tờ khai đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

b) Đề nghị cấp sổ ATA đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập theo quy định tại Nghị định số 64/2020/NĐ-CP.

c) Khi nộp Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về hải quan.

2. Người nộp phí, lệ phí thực hiện:

a) Nộp phí vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước và nộp lệ phí vào ngân sách nhà nước bằng tiền mặt hoặc nộp bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định pháp luật về quản lý thu, chi qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, thu nộp tiền phí, lệ phí đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

b) Nộp phí, lệ phí bằng tiền mặt hoặc nộp bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt cho tổ chức được cơ quan hải quan ủy nhiệm thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp đăng ký tờ khai nhiều lần trong tháng, người nộp phí, lệ phí đăng ký với tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí theo tháng.

Căn cứ danh sách các tờ khai phải nộp phí, lệ phí do cơ quan hải quan thông báo, chậm nhất là ngày thứ 10 của tháng tiếp theo, người nộp phí, lệ phí phải nộp phí, lệ phí cho tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 6. Ủy nhiệm thu phí, lệ phí

Ủy nhiệm thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh được thực hiện theo quy định ủy nhiệm thu thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế thu theo quy định tại Luật Quản lý thuế năm 2019 và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Điều 7. Thu, nộp phí, lệ phí của tổ chức thu

1. Tổ chức được ủy nhiệm thu phí, lệ phí nộp số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước và nộp số tiền phí thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước theo hợp đồng ủy nhiệm thu, quy định tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan hải quan nộp số tiền phí thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước, nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quản lý và sử dụng phí

Cơ quan hải quan được để lại toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả kinh phí ủy nhiệm thu phí, lệ phí). Số tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí. Mức phí trả cho bên ủy nhiệm thu theo thỏa thuận giữa cơ quan hải quan và bên được ủy nhiệm thu theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 10 năm 2025.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 14/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

3. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật phí, lệ phí, pháp luật quản lý thuế, thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

4. Trường hợp các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Anh Tuấn

BIỂU MỨC THU PHÍ HẢI QUAN VÀ LỆ PHÍ HÀNG HÓA, PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI QUÁ CẢNH

(Kèm theo Thông tư số 86/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Nội dung thu	Mức thu
1	Phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh	20.000 đồng/tờ khai
2	Phí hải quan kiểm tra, giám sát, gia hạn kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ	200.000 đồng/đơn
3	Phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính	10.000 đồng/tờ khai
4	Phí hải quan cấp sổ ATA	1.000.000 đồng/sổ
5	Phí hải quan cấp sổ ATA thay thế	500.000 đồng/sổ
6	Lệ phí đối với hàng hóa quá cảnh	200.000 đồng/tờ khai
7	Lệ phí đối với phương tiện vận tải quá cảnh đường bộ (gồm: ô tô, đầu kéo, máy kéo)	200.000 đồng/phương tiện
8	Lệ phí đối với phương tiện vận tải quá cảnh đường thủy (gồm: tàu, ca nô, đầu kéo, xà lan)	500.000 đồng/phương tiện